

Kiểu nhân vật *lữ khách đi tìm cái đẹp* trong tác phẩm của Yasunari Kawabata

ĐÀO THỊ THU HẰNG*

Yasunari Kawabata (1899-1972) là nhà văn Nhật Bản đầu tiên đoạt giải Nobel văn chương năm 1968. Kết hợp nhuần nhuyễn giữa mạch nguồn văn hóa phương Đông với kỹ thuật tiên tiến phương Tây, tác phẩm của Kawabata thấm đẫm cá tính sáng tạo độc đáo, trong đó phải kể đến cách dựng chân dung nhân vật. Đó là những mẫu hình thật đặc biệt, trở thành diện mạo tiêu biểu mang phong cách của riêng ông. Một trong số đó là kiểu nhân vật *lữ khách đi tìm cái đẹp*.

Lữ khách gắn với *con đường*. Họ, hoặc là những người ham đi du lịch theo nghĩa đen như nhân vật *tôi* (*Vũ nữ Izu*) hay như Shimamura (*Xứ tuyết*), hoặc là những người mà quá trình *đi* chính là quá trình tìm kiếm, trần trở của cả một đời người. Họ là các nhân vật nam, là những người đi tìm cái đẹp. Về đẹp mà họ muốn kiếm tìm thường thuộc về những người phụ nữ, hoặc hiện diện ở ngay bên cạnh, hoặc chỉ ở trong tâm tưởng.

Trong tác phẩm của Kawabata, ta thường thấy xuất hiện *cặp nhân vật chính*, một nam một nữ (hoặc nhiều nữ) và vai trò của họ trong câu chuyện đa phần là ngang nhau. Ông Shingo và cô con dâu Kikuco (*Tiếng rên của núi*), Shimamura và hai người đẹp Komako và Yoko (*Xứ tuyết*), *tôi* và Kaoru (*Vũ nữ Izu*), ông Eguchi và các người đẹp ngủ mê (*Người đẹp say ngủ*)... trong đó, nhân vật nam chính là những *lữ khách đi tìm cái đẹp*.

Không có giới hạn về tuổi tác đối với

những *lữ khách* này. Họ có thể chỉ là chàng sinh viên trẻ trung, “vô sản” như *tôi*; độc thân như Kikuji; trung niên có gia đình và giàu sang như Shimamura; hay thậm chí là những ông già như Shingo và Eguchi... Có nghĩa, đã là con người, là nửa kia, là phái mạnh, thì họ, ai cũng tôn thờ cái đẹp.

Các nhân vật nữ của Kawabata, trừ một số trường hợp cá biệt, còn lại đa số là những người đẹp – có lúc là rất đẹp. Nhưng thật trớ trêu, những vẻ đẹp ấy (chỉ ít là vẻ mặt tâm hồn) lại thường không thuộc về những *lữ khách* tài hoa kia, vậy nên mới có hiện tượng họ phải dành cả cuộc đời để kiếm tìm và mong mỏi.

Kawabata đã từng học tập, nghiên cứu văn học phương Tây và vì vậy những tư tưởng triết học, mỹ học có ảnh hưởng tới các nhà văn phương Tây chắc chắn không xa lạ với ông. Khoảng cách từ *tha nhân* hay *hiện hữu người* của Martin Heidegger (1889-1976, nhà triết học, mỹ học Đức) đến *lữ khách* của Kawabata có lẽ cũng không xa xôi mấy. “Heidegger coi hiện-hữu-người là một phác-đô-người được ném vào thế giới, nghĩa là một con người cụ thể nào đó mới chỉ là một sự hiện diện thực sự nào đó trong thế giới, nhưng sự hiện diện đó là thế này hay thế kia sẽ do chính con người tạo nên”⁽¹⁾. Như vậy, con người luôn trên đường đến một nơi nào đó, kiếm tìm một cái gì đó để vượt lên cái “phác-đô-người”. Vậy thì, quá trình *đi* mới là điều quan trọng, bởi đó chính là lúc “hiện-hữu-người” hoàn thiện mình để trở thành *con người*, còn đích đến

* Nghiên cứu sinh Viện Văn học.

⁽¹⁾ Martin Heidegger, *Tác phẩm Triết học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2004, tr.7.

chỉ là thứ yếu. Cũng đề cập đến vấn đề đó, nhưng phương Đông lại có những quan niệm riêng, độc đáo. Tính chất *lữ nhân* từ lâu đã trở nên quen thuộc với nền văn hóa và văn học Nhật Bản. Không khó để truy tìm căn nguyên của nó. Khởi nguồn từ thế kỉ XIII, những võ sĩ samurai, đặc biệt là samurai tự do chính là người mang lại cho từ này một ý nghĩa đầy đủ nhất. Samurai tự do, giống như hiệp sĩ lang thang, bảo vệ và chiến đấu cho ai, vì lí tưởng gì là do họ tự quyết định. Do tính không bắt buộc, không cố định trong công việc nên họ thực sự là những du khách tự do, có cuộc sống gắn liền với thiên nhiên. Họ đi thưởng ngoạn vẻ đẹp của thiên nhiên và con người, an nhiên tự tại hòa mình vào thiên nhiên trong vẻ đẹp thuần khiết, hoang sơ của nó. Văn học Nhật Bản đã từng có những *lữ nhân* vĩ đại như thi hào Mashuo Basho với những bài thơ bất hủ sáng tác trên đường và ngay đầu thế kỉ XX, một nhà văn được coi là khởi đầu cho các trào lưu hiện đại cũng đã từng là một samurai, đó chính là Ryunosuke Akutagawa (1892 – 1927). Tính chất *lữ nhân* vì thế đã trở nên quen thuộc với đời sống văn hóa Nhật Bản.

Thật dễ “nhận diện” những người đàn ông như vậy trong tác phẩm của Kawabata. Đặc điểm nổi bật nhất là họ sống rất sâu sắc, thâm trầm và có tâm hồn. Shimamura, một người đàn ông trung niên giàu có, “đam mê hết thứ này đến thứ khác” nhưng ai dám bảo anh là người nhẹ dạ và nông nổi. Quá trình “đam mê” nhiều thứ ấy chính là quá trình đi tìm vẻ đẹp đích thực của anh. Anh (hay người kể chuyện) đã tỏ ra rất sắc sảo trong những phân tích tâm hồn Komako ở những đoạn kể mang tính lưỡng phân trong tác phẩm. Shimamura say mê nghệ thuật biên đạo múa phương Tây và thời sinh viên anh đặc biệt yêu thích vũ đạo và kịch câm Nhật Bản, nghiên cứu rất nhiều khuynh hướng, tư liệu, cả cổ điển và hiện đại, nhưng

chẳng bao lâu sau, cảm hứng của Shimamura lại hướng sang balê và thậm chí là cả nghiên cứu văn học. Mặc dù vậy, anh chưa bao giờ là người nông nổi, bộp chộp và hay thay đổi. Bởi vì cái khiến anh thay đổi không phải là bản thân các môn nghệ thuật ấy mà là *hiện trạng* của chúng. “Với kiến thức phong phú, chỉ ít lâu sau anh đã cảm thấy đôi chút đáng cay về sự suy tàn của một truyền thống quá già cỗi nên trở thành cũ kĩ nhưng anh cũng không thể đồng ý với những mưu toan không thể chấp nhận của những nhà cách tân giả hiệu, mà các sáng kiến của họ chỉ cốt để chiều lòng người xem”⁽²⁾.

Vậy là, Shimamura bị giằng co giữa vẻ đẹp truyền thống và hiện đại trong nghệ thuật. Điều ấy cũng được thể hiện trong cả tình yêu. Anh đắm chìm trong tình yêu say đắm, nồng nàn của Komako song lại luôn mơ về một tình yêu lí tưởng, một mối tình trong sáng thuần túy với Yoko – người phụ nữ huyền bí thanh cao mang vẻ đẹp cổ điển. Hơn bất kì nhân vật nào khác, đến với cái đẹp đồng nghĩa là hành trình của cả đời người của Shimamura. Với nghệ thuật, anh say mê tiếng hát tiếng đàn thuần khiết trong khung cảnh thiên nhiên vắng lặng của Komako, nhưng trong vòng tay nàng, anh lại mơ về Yoko cho dù đó là một người đẹp khá lạnh lùng và xa cách. Hiểu rất rõ, yêu rất nhiều con người và nghệ thuật, nhưng anh chẳng phải là kẻ hai lòng. Cái anh khao khát, mong đạt được chính là sự dung hòa giữa hai vẻ đẹp đó. Vì vậy, mỗi năm anh lại lên xứ tuyết, xứ tuyết là nơi anh chiêm nghiệm cuộc sống, gột rửa tâm hồn, cũng có thể, đó chính là đích đến của người *lữ khách*.

Cũng như Shimamura, ông Shingo, nhân

⁽²⁾ Yasunari Kawabata, *Tuyển tập Y. Kawabata*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 2001, tr.240.

vật nam chính được miêu tả từ người kể chuyện ngôi thứ ba, nhưng giống như bất cứ nhân vật chính đồng thời là người kể chuyện ngôi thứ nhất nào khác, tác phẩm là nơi ông bộc lộ, tự phơi bày gan ruột của mình với những suy tư, chiêm nghiệm, triết lí về cuộc sống. Là một chủ hãng kinh doanh đã già và không dính dáng đến bất cứ ngành nghề thuật nào, nhưng những dòng tâm tư đã cho thấy ông Shingo là một người sâu sắc, kín đáo và có đời sống nội tâm phong phú.

Thật trở trêu, biết thương thức, cảm nhận và yêu cái đẹp nhưng vợ ông, bà Yasuko, lại là người phụ nữ không đẹp, nhưng bù lại bà tốt bụng và chân chất. Vì vậy, cả cuộc đời Shingo luôn có những giấc mơ, mơ khi ngủ, mơ lúc thức và mơ trong tâm tưởng – những giấc mơ về những người phụ nữ đẹp, ước ao được chiêm hữu những vẻ đẹp ấy.

Ngay từ lúc trẻ, ông đã yêu tha thiết chị gái bà Yasuko, người với vẻ đẹp mê hồn đã ám ảnh ông đến tận lúc về già. Nhưng người chị gái đó đã làm đám cưới với người đàn ông cũng đẹp như thiên thần rồi bạc mệnh mất sớm để lại trong ông bao đau đớn và tiếc nuối. Ông lấy bà Yasuko vì tình thương đối với một người phụ nữ tốt bụng, hi sinh cuộc đời cho các cháu và người anh rể sau khi chị mất mà không được đáp đền. Cả cuộc đời mình, ông chưa bao giờ ân hận vì đã cưới bà Yasuko nhưng trong thâm tâm, hình bóng người chị tuyệt đẹp đã khuất vẫn khiến ông nhức nhối. Vẻ đẹp ấy đã thành thiên cổ nhưng tâm hồn ông lại một lần nữa xáo trộn. Đó là khi xuất hiện một vẻ đẹp mới trong nhà: cô con dâu Kikuco.

Thật khó có thể khẳng định ông Shingo yêu con dâu, nhưng tình cảm ông dành cho cô khó mà lí giải. Ông thương yêu, nâng niu, chăm sóc Kikuco, nhất là từ khi con trai ông có nhân tình, và đôi lúc, trong đầu ông cũng nảy sinh nhiều ao ước. Kikuco là một cô gái đẹp, vẻ đẹp hơi có phần mong

manh yếu đuối, vương một chút trong sáng thơ ngây con trẻ trong tính cách và trong điệu bộ hồn dỗi của đôi vai. Đó là một vẻ đẹp mà những người đàn ông mạnh mẽ luôn muốn chở che, chăm sóc. Kikuco về làm dâu, vẻ đẹp hiện hữu ấy đã làm ông bối rối, và không chỉ có thế, vẻ đẹp trong quá khứ cũng lại luôn trở dậy trong lòng khiến Shingo ngày càng chông chênh thêm nhiều suy tư, trăn trở.

Là lũ khách đi tìm cái đẹp, không chỉ vẻ đẹp trong quá khứ và hiện tại khiến ông mơ ước, Shingo còn bị dấn vật bởi cả vẻ đẹp của một tương lai không thành hình trong đứa con chưa bao giờ được nhìn thấy ánh sáng mặt trời của Kikuco. Khi biết con dâu đi phá thai, ông Shingo đã rất đau khổ, bởi vì ông cho rằng, có thể đứa cháu không chào đời ấy của ông sẽ là một mỹ nhân, và biết đâu lại chẳng phải do người chị gái vợ ông dấn đầu vào. ám ảnh bởi những gì không đạt được, bởi vẻ đẹp trinh nguyên của phụ nữ là cái ông kiếm tìm suốt cả cuộc đời, bi kịch của Shingo là bi kịch của chính sự tìm kiếm vô vọng đó. Nhưng điều đáng trân trọng ở Shingo là ông không hề bi quan hay nổi loạn phá tung tất cả, đơn giản, ông chỉ âm thầm chịu đựng.

Khác với Shingo, người theo đuổi cái đẹp ngay trong chính gia đình mình, ông Eguchi lại kiếm tìm vẻ thanh xuân nơi các người đẹp ngủ say ngoài lũy điếm. Eguchi là một ông lão sáu mươi bảy tuổi, cũng có thể coi là người thành đạt trong sự nghiệp, và vì thế, trong suốt cuộc đời đã có không ít phụ nữ trẻ đẹp qua tay ông: từ người yêu, kĩ nữ và thậm chí cho đến cuối đời là các cô gái điếm. Tất cả họ đều đẹp. Câu chuyện trong *Người đẹp ngủ say* lấy bối cảnh là cuộc sống hiện tại của ông Eguchi, nhưng đây là tác phẩm được Kawabata vận dụng kĩ thuật hồi cố của chuyện kể dòng ý thức nên “đời sống tình yêu” ngay từ thời trai trẻ của ông Eguchi cũng được phản ánh qua hồi ức

nhân vật.

Đương thời, khi *Người đẹp say ngủ* mới xuất hiện, trên văn đàn Nhật Bản nổi lên nhiều ý kiến đánh giá rất khác nhau. Người ta cho rằng đó là một tác phẩm tràn đầy dục tính, không hợp với thuần phong mỹ tục Nhật Bản. Nhưng ngay từ đầu, các nhà nghiên cứu phương Tây đã rất thích nó: một tác phẩm “lạ” do kết hợp kỹ thuật tự sự hiện đại với sắc thái tình dục phương Đông. Nhưng dần dần, *Người đẹp say ngủ* đã được coi là một trong những tác phẩm hay nhất của Kawabata. Tính dục trong tác phẩm không hề dung tục, nó chỉ nhằm mục đích duy nhất là tôn vinh vẻ đẹp con người, vì thế nó đã trở thành *sắc dục*. Tôn vinh vẻ đẹp con người vốn là truyền thống trong văn hóa xứ Phù Tang. Niềm tự hào của văn học Nhật Bản trước thế giới chính là *Truyện Genji* của nữ sĩ Murasaki. Ngay từ thời Heian ấy, hoàng tử Genji với vô số mối tình lãng mạn đã trở thành hình tượng được yêu chuộng. Sống với người này, theo đuổi người kia, cả công khai lẫn bí mật, thậm chí những người đẹp nơi cửa Phật cũng không bị bỏ qua... nhưng Genji vẫn luôn là “Genji ngồi sáng” của mọi thời đại bởi cảm thức tôn vinh cái đẹp đã ăn sâu vào tâm hồn người Nhật. Hơn nữa, vẻ mặt tôn giáo, nhất là Thần đạo thường “Nhấn mạnh vào sức mạnh của sự sống. Tương truyền cuộc giao phối đầu tiên là cuộc giao hợp giữa các đấng thần linh. Vì thế cho nên tính dục và tội tổ tông truyền không bao giờ lớn vồn trong ý thức người Nhật Bản. Theo nguyên lí đó, hết thảy những gì là tự nhiên đều phải được kính trọng”⁽³⁾. Vì vậy, quan niệm về sắc dục, sự tôn thờ cái đẹp, tự nhiên của người Nhật luôn là một điều gì đó thật lạ lẫm ngay trong lòng phương Đông chúng ta. Nó trở thành một thứ văn hóa thường

ngày, chi phối cả hành vi của họ. Người Nhật bình thường ăn mặc rất kín đáo nhưng khi vào nhà tắm công cộng hay bồn tắm ở suối nước nóng, họ vẫn rất tự nhiên dù là hoàn toàn khỏa thân trước mặt người khác. Tóm lại, trong mọi hành xử, tự nhiên luôn là yếu tố được người Nhật coi trọng.

Vậy nên, các quan hệ (dù là chồng chèo) giữa các lữ nhân và người đẹp trong tác phẩm của Kawabata cũng dễ dàng được chấp nhận như những điều thường tình của cuộc sống. Như bất kì lữ khách đi tìm cái đẹp nào, tôn vinh vẻ đẹp con người cũng là cảm xúc của ông Eguchi đối với những người phụ nữ đẹp. Người yêu đầu đời của ông Eguchi (khi ấy hãy còn là chàng trai trẻ mới tốt nghiệp đại học) là một cô gái rất đẹp. Vẻ đẹp ấy đã khiến ông Eguchi yêu nàng say đắm đến mức tôn thờ. Không phải là kẻ duy tình, duy mỹ thì thật khó mà có được cảm xúc hết sức con người như cảm xúc của ông Eguchi: “Đêm ấy tuyết khô rơi, hạt nhỏ như bụi. Eguchi lúc đó còn trẻ đã choáng váng trước vẻ đẹp tuyệt diệu của tấm thân người tình đến nỗi nghẹt thở. Và nước mắt trào ra”⁽⁴⁾. Nếu có vẻ đẹp khiến người ta choáng váng thì đó chỉ có thể là vẻ đẹp khiến người ta cảm nhận chứ không thể tả được bằng lời. Và vẻ đẹp ấy đã ám ảnh Eguchi suốt cuộc đời, vẻ đẹp không một người phụ nữ nào có thể vượt qua.

Ngay cả khi đó là người phụ nữ đã có chồng ngoại quốc ở thành phố Kobe, người để lại trong Eguchi nhiều kỉ niệm. Nàng có thói quen khi ngủ là cởi hết đồ, kể cả đồ lót. Gặp nàng ở hộp đêm, tấm thân mảnh mai, bầu ngực săn chắc, người phụ nữ ở thành phố Kobe ấy đã khiến Eguchi hoàn toàn yên tâm thoải mái. Nhưng khi biết nàng phải “quay về sớm với đàn con” và nhất là đã có chồng người nước ngoài, Eguchi đã vô cùng day dứt. Ông cảm thấy việc làm

⁽³⁾ V.Pronikov, I Ladanov, *Người Nhật*, Nxb Tổng hợp, TP. Hồ Chí Minh, 2004, tr.77.

⁽⁴⁾ Yasunari Kawabata, Sđd tr.404.

của mình có vẻ vụng trộm, không đúng đắn. Nhưng hơn hết, người đẹp đó đã “khiến ông Eguchi kinh ngạc. Thân thể nàng không có vẻ gì là của một phụ nữ đã có con. Hai vú không có vẻ gì là đã từng cho con bú”⁽⁵⁾.

Có lẽ đó là người phụ nữ cuối cùng ông quan hệ xác thịt. Bởi lúc đó Eguchi đã sáu mươi tư tuổi. Người phụ nữ đầu tiên và người phụ nữ cuối cùng đều đẹp đã khiến Eguchi khó có thể quên được. Và giờ đây đã là một ông già sáu mươi bảy, ông lại muốn đi tìm “tuổi xuân đã mất” nơi những người đẹp bị đánh thuốc mê. Năm đêm đến ngôi nhà bí mật, ông Eguchi đã được ngủ cùng sáu người đẹp. Mỗi người mỗi vẻ nhưng cô nào cũng đẹp và đôi khi những vẻ đẹp ấy đã khiến cảm giác thanh xuân trở dậy trong lòng ông. Và vì vậy, bản chất cái đẹp mà ông Eguchi tìm kiếm không chỉ đơn thuần là cái đẹp trên cơ thể người phụ nữ, sâu xa hơn, đó chính là *vẻ đẹp của sức sống, của tuổi trẻ*. Khi ở vào độ tuổi sáu mươi bảy, đó mới là vẻ đẹp ông Eguchi khao khát. “Tình trạng già nua đáng sợ của những cụ già thảm hại vẫn thường lui tới ngôi nhà này chẳng bao lâu nữa cũng sẽ xảy ra với ông. Chiều rộng bao la, chiều sâu vô đáy của những ham muốn xác thịt mà ông đã thăm thú được ít nhiều trong sáu mươi bảy năm qua càng bộc lộ ra một điều là con người ta không thể vơ hết mọi thứ vào bản thân được. Xung quanh những ông già ngày một ốm o vẫn cứ lớn lên từng lớp từng lớp vô vàn những thiếu nữ xinh tươi, da thịt mơn mớn. Các ông già bắt lực nhìn theo những niềm vui mỗi ngày một lùi xa thêm, càng nướu tiếc những tháng ngày hạnh phúc của một thời đã trôi qua không bao giờ còn trở lại”⁽⁶⁾. Tuổi xuân đã qua đi vĩnh viễn, cảm giác tươi mới, sức trẻ mạnh mẽ không còn, đó mới là điều đáng tiếc, là cái đẹp mà

ông Eguchi mong muốn hơn hết thảy.

Đó cũng là lí do để *Người đẹp say ngủ* được ngợi ca. Hoàn toàn không phải là tác phẩm phản ánh đơn thuần về một lớp người đã bắt lực trong đời sống tình dục muốn đi tìm lại cảm giác, câu chuyện (giống như hầu hết các tác phẩm khác của Kawabata), được xây dựng trên một nền tảng triết học, mỹ học nhằm tôn vinh vẻ đẹp của con người. Đó là *aware* – niềm bi cảm (của khách thể nhận thức) trước sự hữu hạn của cái đẹp (chủ thể đang hướng tới nó). Mối quan hệ giữa ông Eguchi với các người đẹp ngủ say là mối quan hệ biện chứng giữa cái đẹp không tự nhận thức và người chiêm ngắm.

Những ông già, hay những người đàn ông trung niên giàu có luôn yêu quý và trân trọng cái đẹp của tuổi trẻ. Nhưng cũng không thể không kể đến nhân vật *tôi* trong *Vũ nữ Izu*, một lữ khách đích thực, một chàng sinh viên mới mười chín tuổi, hướng về Izu mong khám phá vẻ đẹp thiên nhiên và con người ở miền bán đảo nơi những “con đường đi xuống thung lũng chạy dích dắc như những tia chớp”, “con suối tràn đầy nước sau trận mưa, ánh lên âm áp dưới ánh mặt trời vào ngày mùa thu trong veo mà tiết trời vẫn âm áp như mùa xuân của xứ Izu ấy”⁽⁷⁾... Trong khung cảnh thiên nhiên thơ mộng đó, *tôi* đã gặp được Kaoru với “khuôn mặt thon hình trái xoan đẹp tuyệt trần”, “đôi chân thanh tú, tấm thân trắng nõn”, “đôi mắt đen nháy” và “tiếng cười của một bông hoa”. Đó là vẻ đẹp khiến “*tôi* cảm thấy như có một tia nước mát tươi ướt trái tim”, một vẻ đẹp khiến cho lòng người thanh thản, khiến cho người ta “tan chảy thành nước mắt trong sự bình yên”.

Chàng sinh viên kia đã đi, và đã gặp

⁽⁵⁾ Yasunari Kawataba, Sdd, tr.447.

⁽⁶⁾ Yasunari Kawataba, Sdd, tr.421.

⁽⁷⁾ Theo Dore W. Goossen edited, *Oxford Book of Japanese short stories*, Oxford University Press, 1977, p. 132,138.

được vẻ đẹp đích thực mà mình mãi kiếm tìm. Nhưng cuộc hội ngộ ấy rồi cũng đến lúc phải chia tay. Dù đã hẹn gặp ở Oshima nhưng cuộc tái ngộ ấy liệu có thành hiện thực? Đó phải chăng cũng là cái kết chung cho bất kỳ một lữ khách nào đi tìm cái đẹp. Mục đích khi khởi hành của họ là “đi tìm cái đẹp” nhưng có đạt tới vẻ đẹp đích thực ấy hay không thì lại là chuyện hoàn toàn khác. Ông già Shingo chẳng thể vượt qua tội loạn luân để thỏa mãn tình yêu với người con dâu của mình. Rõ ràng và thậm hại hơn, ông Eguchi không thể nào lấy lại được tuổi xuân đã mất. Nằm bên các người đẹp, nhưng chỉ là vật mua bán, lại chìm sâu trong giấc ngủ vô tri vô giác, chẳng thể xẻ chia, không hề tâm sự, những người đẹp ấy càng như khẳng định “tình trạng già nua đáng sợ” của ông. Còn Shimamura, anh chẳng thể dung hòa được hai vẻ đẹp trái ngược nhau của Komako và Yoko, để rồi cuối cùng, người yêu lí tưởng chết trong đám cháy còn người tình hiện tại thì gán như hóa điên. Kết thúc cuộc hành trình chỉ là một sự trống rỗng, một cảm giác day dứt đến khó tả. Nhưng hơn ai hết, trong hành trình tìm kiếm của mình, họ luôn được sống trong cảm giác chân – thiện – mỹ rất con người. Họ đã trở thành một kiểu nhân vật quen thuộc không thể thiếu. Họ là ai, họ chính là phiên bản của Kawabata – “lữ khách muôn đời đi tìm cái đẹp” – thương hiệu độc quyền mà bạn văn Yukio Mishima dành tặng cho nhà văn và tác phẩm của ông. Donald Keene, nhà nghiên cứu phương Đông người Mỹ đã rất có lí khi cho rằng Kawabata, “từ đầu đến cuối sự nghiệp của mình luôn bị hấp dẫn đặc biệt bởi những phụ nữ trẻ, trinh trắng... cho dù họ không nhất thiết là những bức chân dung đã hoàn toàn thành công của ông”⁽⁸⁾. Đối với ông,

dường như họ tượng trưng cho bản chất của cái đẹp.

Tôn thờ cái đẹp, đó là cảm thức thẩm mỹ hàng đầu của văn hóa thời Heian (có nghĩa là Bình An) kéo dài ba thế kỉ (IX-XII), một thời đại có ảnh hưởng, dù trực tiếp hay gián tiếp, đến bất cứ nhà văn Nhật Bản nào. Chính cái đẹp sập mất, cái đẹp đạt đến độ chín, đến ngưỡng của nó đã xui khiến nên cảm giác muốn níu giữ, bảo lưu trong lòng văn nhân, những người hơn ai hết, luôn trân trọng và tôn thờ cái đẹp. Cũng chính cái đẹp tinh tế, tao nhã và trong sáng đã thôi thúc bước chân người lữ khách, và phía trước họ luôn là một hành trình đầy thách thức – hành trình tìm kiếm *chân lí Người*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Martin Heidegger, *Tác phẩm triết học*, Nhiều người dịch, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2004.
2. Yasunary Kawabata, *Tuyển tập Y. Kawabata*, Nhiều người dịch, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội, 2001.
3. V. Pronikov, I. Ladanov, *Người Nhật*, Đức Dương biên soạn, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2004.
4. Theodore W. Goossen edited, *The Oxford book of Japanese short stories*, Oxford University Press, 1997.
5. Donald Keene, *Dawn to the West*, Henry Holt and Co., New York, 1984.

⁽⁸⁾ Donald Keene, *Dawn to the West*, Henry Holt and Co., New York, 1984, p. 794.